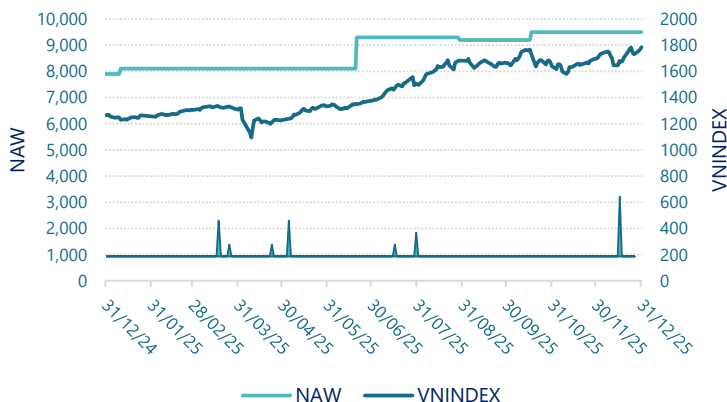


CTCP Cấp nước Nghệ An (UPCOM: NAW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
SL cổ phiếu LH	37,385,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	355
P/E	17.9
EPS	531

DT thuần

Q4/25

95.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.70| -9.2%

YoY: ▲ 10.7| 12.7%

LN sau thuế

Q4/25

0.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.2| -98.9%

YoY: ▼0.68| -76.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.1%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2025

374

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 13.4%

LN sau thuế

2025

19.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 576%

ROE

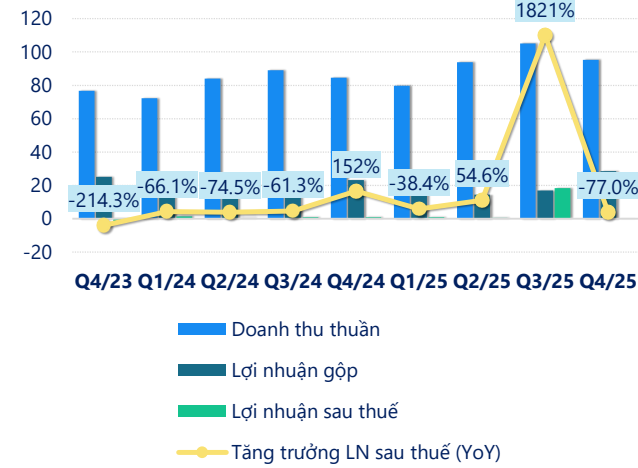
2025

5.1%

+/- YoY: ▲ 4.3%

tỷ VNĐ

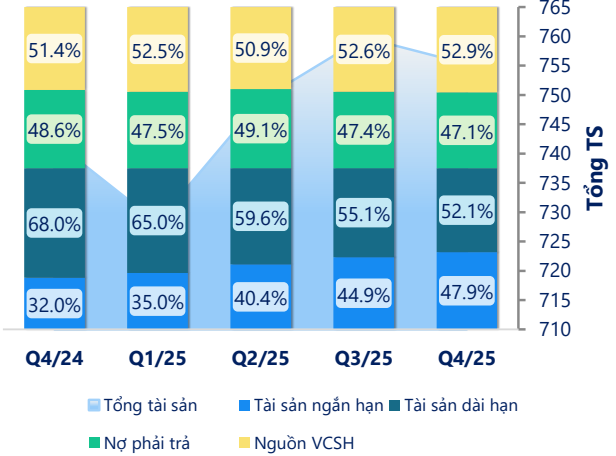
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

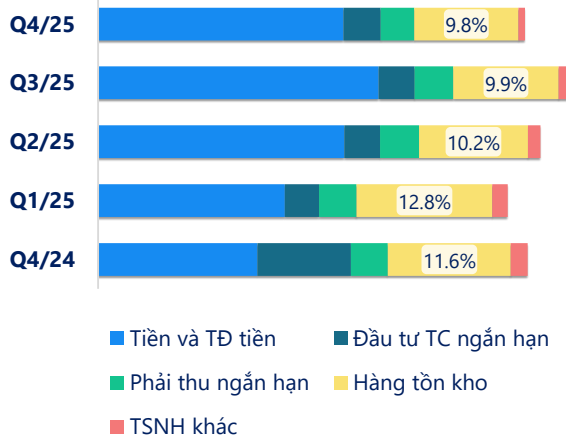
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



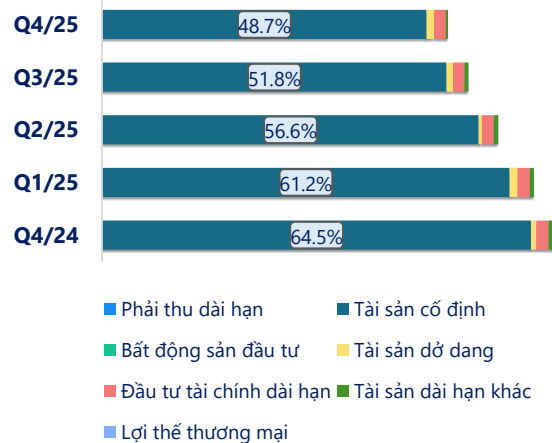
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

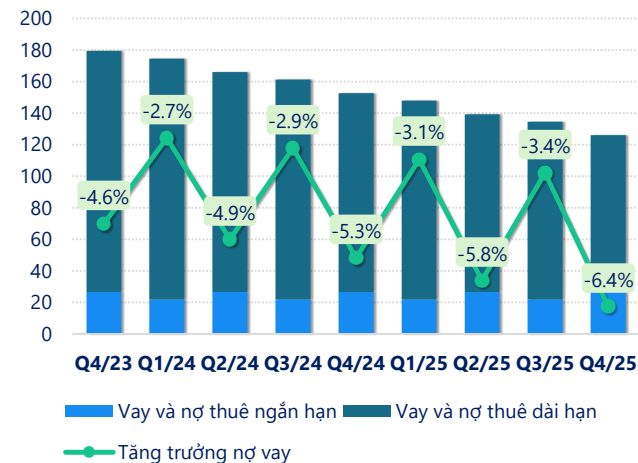
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

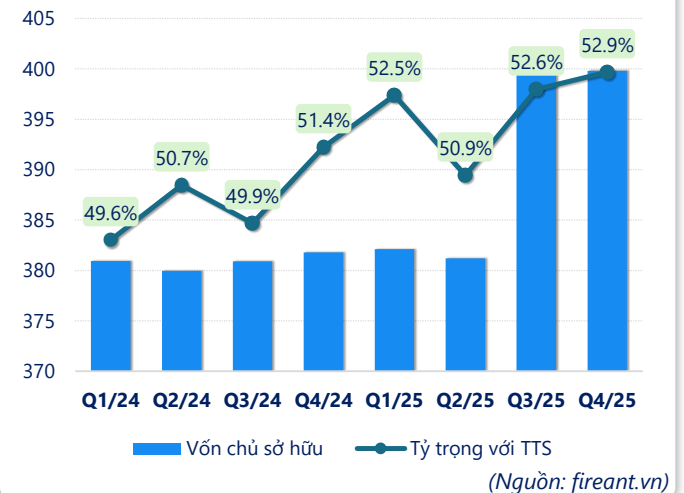
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

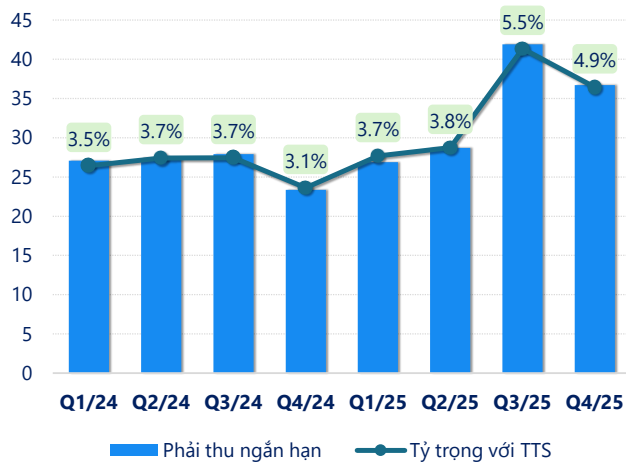
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



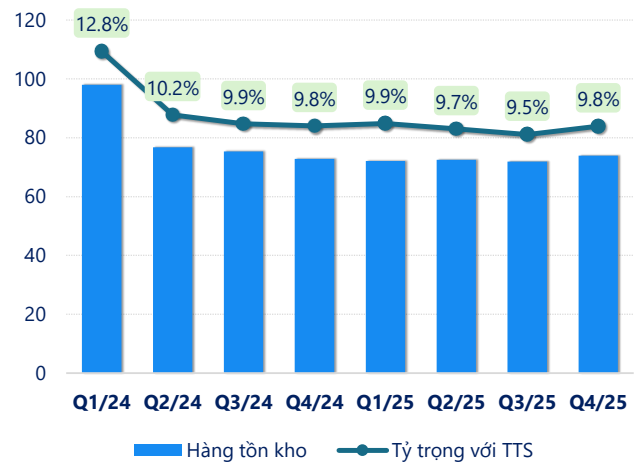
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


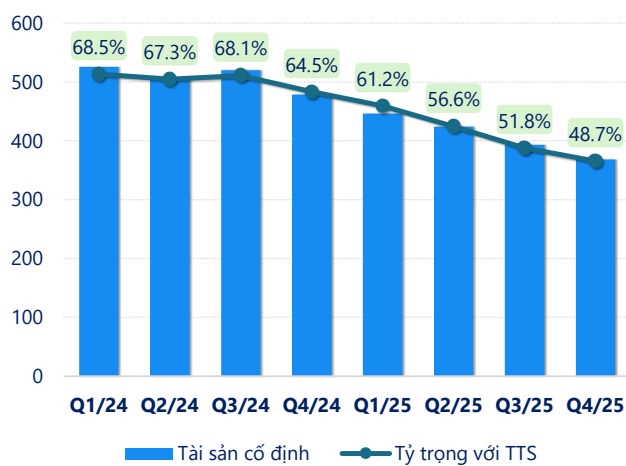
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


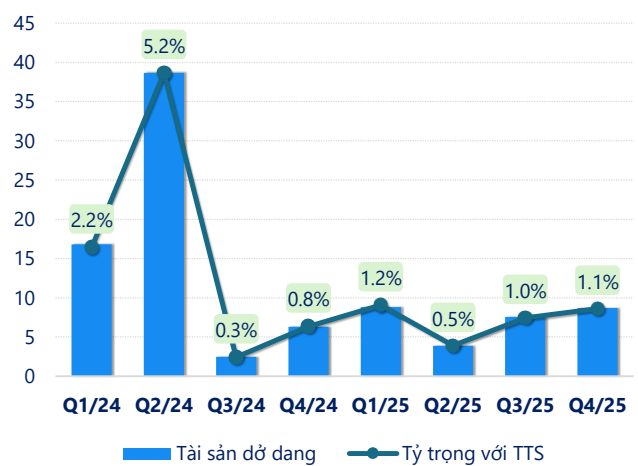
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

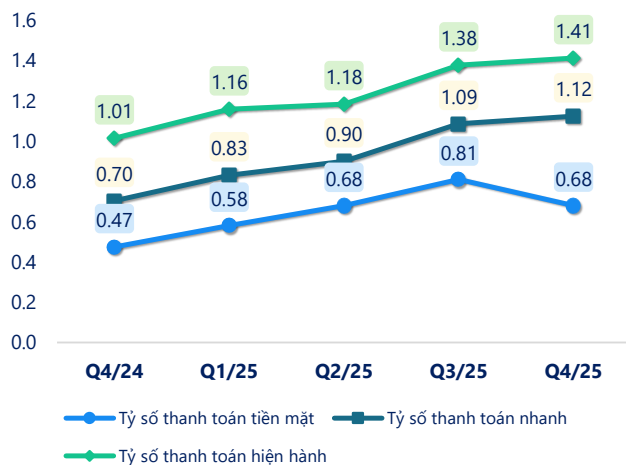
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

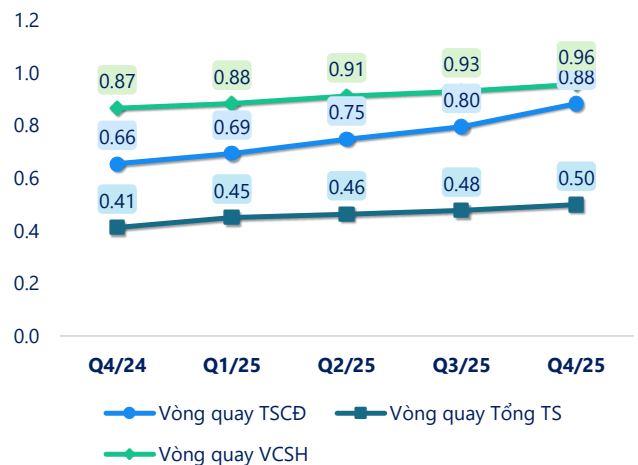
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	742	728	749	760	755
Tài sản ngắn hạn	238	255	302	341	362
Tiền và tương đương tiền	111	128	173	201	174
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.9	25.9	25.9	26.5	76.8
Phải thu ngắn hạn	23.4	26.9	28.7	41.9	36.7
Hàng tồn kho	72.8	72.1	72.5	71.9	74.0
Tài sản ngắn hạn khác	4.48	2.32	1.80	0.08	0.23
Tài sản dài hạn	504	473	447	419	393
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản cố định	478	446	424	393	368
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.29	8.79	3.89	7.56	8.69
Đầu tư tài chính dài hạn	13.4	13.4	13.3	13.3	13.3
Tài sản dài hạn khác	5.85	4.54	5.12	4.26	2.61
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	360	346	368	360	355
Nợ ngắn hạn	234	220	255	248	256
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.7	21.9	26.6	21.8	26.6
Phải trả người bán ngắn hạn	54.6	47.0	42.2	47.5	56.2
Nợ dài hạn	126	126	113	113	99.3
Vay và nợ thuê dài hạn	126	126	113	113	99.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	382	382	381	400	400
Vốn chủ sở hữu	382	382	381	400	400
Vốn điều lệ	374	374	374	374	374
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)